

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN N

TỈNH KON TUM

Bản án số:25/2023/HS-ST

Ngày 29 - 8-2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH KON TUM

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Xuân; Bà Trần Thị Huyền;

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Đàm Công Tư – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 25/2023/TLST – HS ngày 30-6-2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HS ngày 10 - 8-2023, đối với các bị cáo:

1. H1; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 03/12/1996 tại tỉnh Hòa Bình. Nơi cư trú: Xóm C, xã T, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hà Văn T và bà Xa T; chưa có vợ con; Anh em ruột có 02 người, bị cáo là con thứ hai trong gia đình;

Tiền sự: Không;

Tiền án: Tại bản án số 15/2019/HSST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân K, tỉnh Kon Tum xử phạt 12 tháng tù, về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”; đã chấp hành xong hình phạt ngày 08/8/2020; chưa chấp hành trách nhiệm dân sự và án phí;

Về nhân thân:

+Tại bản án số 07/2015/HSST ngày 06/02/2015 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum xử phạt 04 tháng 16 ngày tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*”;

+Tại bản án số 42/2015/HSST ngày 10/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum xử phạt 09 tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*”;

^ Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/3/2023 đến nay; có mặt.

2. H2; Tên gọi khác: Không; sinh năm 1987 tại huyện B, thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: Thôn B, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn D và bà Đinh Thị T; có vợ là Nguyễn Thị N (đã ly hôn năm 2015) và 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2012; anh chị em ruột không;

Tiền sự: Không;

Tiền án: Tại bản án số 27/2014/HSST ngày 29/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum xử phạt 06 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”; bản án có kháng cáo đề nghị tăng hình phạt của bị hại; tại bản án số 24/2014/HS-PT ngày 23/12/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh K sửa phần hình phạt, xử phạt 07 năm tù; đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/02/2020, chưa chấp hành xong trách nhiệm dân sự.

Về nhân thân:

+Tại bản án số 110/HSST ngày 15/8/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt 24 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, về tội “*Cướp tài sản*”.

+Tại bản án số 30/2005/HSST ngày 13/7/2005 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 15 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” cộng hình phạt 24 tháng của bản án số 110/HSST ngày 15/8/2003, buộc H phải chấp hành 39 tháng tù; đến ngày 28/3/2008 đã chấp hành xong hình phạt tù và chấp hành xong toàn bộ bản án số 110/HSST và bản án số 30/2005/HSST.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/3/2023 đến nay; có mặt.

- Các bị hại:

Anh BB, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum; vắng mặt.

Chị N, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ S, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; vắng mặt.

Anh C; sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; vắng mặt.

Anh B, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn B, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; vắng mặt.

Anh T, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum; vắng mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Trương T, sinh năm 1981; địa chỉ: số nhà V, tổ S, phường D, thành phố Kon Tum; vắng mặt.

Ông A C, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện N, tỉnh Kon Tum; vắng mặt.

(Anh B, chị N, anh C, anh B, anh T, anh Trương T, ông A C đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

H1 là người nghiện ma túy từ khoảng năm 2021. Vào khoảng cuối tháng 02/2023, H1 được 01 người bạn nghiện quen biết ngoài xã hội(*không rõ nhân thân, lai lịch*) dẫn đến lô cao su thuộc thôn N, thị trấn P, huyện N để mua 01 gói ma túy giá 200.000 đồng của 01 người đàn ông (*chưa rõ nhân thân, lai lịch*) để sử dụng. Đến sáng ngày 02/3/2023, H1 đón xe buýt đi từ thành phố Kon Tum đến huyện Đ, tỉnh Kon Tum chơi. Đến khoảng 11 giờ 45 phút cùng ngày, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên H1 đón xe Taxi đi từ huyện Đ đến thôn N, thị trấn P, huyện N để tìm người đàn ông trên mua ma túy. Đến khoảng 12 giờ 15 phút cùng ngày, khi đến đường Hồ Chí Minh đoạn thôn N, thị trấn P, huyện N thì H1 xuống xe rồi đi bộ vào trong lô cao su. H1 đứng đợi, quan sát một lúc thì thấy người đàn ông đã bán ma túy trước đây cho H1 đang đi bộ trên đoạn đường đất trong lô cao su. Thấy vậy H1 liền đi lại gặp người đàn ông và nói: “*anh ơi để cho em 1 cái (ma túy) nhỏ*” thì người đàn ông nói: “*hai trăm ngàn một cái*”. Sau đó H1 đưa cho người đàn ông số tiền 200.000 đồng thì người này lấy từ trong người ra một số gói giấy nhỏ màu trắng bên trong chứa ma túy đưa cho H1. Sau đó, H1 cất gói ma túy này trong ngăn nhỏ (mặt trong) của ví da màu nâu và bỏ ví da vào trong túi quần Jean phía sau bên phải mà H1 đang mặc. Sau đó, H1 đi bộ theo đoạn đường đất trong lô cao su để tìm nơi sử dụng. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, H1 đang đi bộ trên đoạn đường đất trong lô cao su thì bị tổ công tác Công an huyện N kiểm tra, phát hiện gói ma túy H1 đã cất giấu trong ví da để ở trong

túi quần Jean phía sau bên phải. Tại cơ quan Công an H1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Tại bản kết luận giám định số 63/KL-KTHS ngày 07/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kon Tum kết luận: Mẫu chất rắn dạng bột màu trắng được niêm phong trong bì thư gửi giám định là ma túy, là loại: Heroine, có khối lượng: 0,127 gam.

Quá trình điều tra mở rộng xác định: Ngoài thực hiện hành vi phạm tội trên, H1 cùng với H2 đã thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 01 giờ 00 phút ngày 18/01/2023, H1 điều khiển xe mô tô (*chưa rõ nhãn hiệu, biển số xe*) mượn của một người bạn ngoài xã hội tên L (*chưa rõ nhân thân, lai lịch*) chở H2 đi trên các tuyến đường thuộc thị trấn P tìm nhà nào sơ hở trong việc quản lý tài sản để trộm cắp. Đến khoảng 01 giờ 20 phút cùng ngày, khi đi đến đường N thuộc tổ S, thị trấn P, huyện N, H1 quan sát thấy nhà của chị N ở ven đường không có cổng, đã tắt điện, xung quanh vắng vẻ không có người qua lại H1 liền dừng xe ở lề đường phía trước ngôi nhà. Sau đó, H1 đi vào khu vực nhà chị N còn H2 đứng ở ngoài cánh giới. Quan sát thấy phía trước nhà có một nhà kho, cửa ra vào được khóa bằng ổ khóa nhỏ nên H1 liền tìm kiếm xung quanh dụng cụ để phá khóa. Thấy có một hòn đá lớn ở gần nhà kho nên H1 nhặt hòn đá đi lại đập mạnh nhiều phát vào ổ khóa làm bung chốt khóa ra. Sau đó, H1 mở cửa nhà kho đi vào bên trong thì thấy có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu đỏ đen, BKS 73VX-3175 dựng ở bên trong. Thấy vậy, H1 liền dắt xe mô tô này ra ngoài đường đến chỗ H2 đang đứng canh giới. Sau đó, H1 ngồi lên xe mô tô BKS 73VX-3175 vừa trộm cắp được, còn H2 điều khiển xe mô tô của H1 đồng thời dùng chân đạp vào chỗ gác chân phía sau xe mô tô BKS 73VX-3175 đẩy xe di chuyển theo đường N hướng về xã Đ. Khi đi đến thôn C, xã Đ, huyện N thì cả hai dừng lại, H1 xuống xe mở cốp xe mô tô của H1 lấy ra 01 cờ lê bằng kim loại dài khoảng 12cm rồi tháo biển số 73VX-3175 của xe mô tô vừa trộm được vứt vào bụi cỏ ven đường. Sau đó, H1 tiếp tục tháo dây điện đầu nối vào nhau để nổ máy, khởi động xe rồi cả hai điều khiển xe đi về nhà H2 tại thôn B, thị trấn P, huyện N cất giấu chiếc xe vừa trộm cắp được ở phía trước nhà. Sau đó, H1 điều khiển xe mô tô đi khỏi nhà H2 và trả lại xe mô tô cho người bạn tên L.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 378/KL-HĐĐG ngày 17/4/2023 của Hội đồng định giá xác định: Xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu sơn

đỏ-đen, BKS 73VX-3175, số máy 348105, số khung 348108, có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt 5.666.000đ (*Năm triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*).

Vụ thứ hai: Vào khoảng 11 giờ 00 ngày 16/02/2023, H1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu xanh (*chưa rõ biển số, xe do H1 mua lại*), chở H2 đi từ huyện N xuống huyện Đ để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 12 giờ 00 cùng ngày, khi đi đến đoạn đường quốc lộ 14 thuộc thôn M, xã Đ, huyện Đ, thì cả hai thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu trắng - nâu, BKS 77FX-002.75 đang dựng trước cửa phía bên hông nhà anh C, trên xe cắm sẵn chìa khóa tại ổ khóa. Quan sát thấy không có người trông coi nên H2 nói H1 dừng xe lại. Sau đó, H2 đi bộ đến vị trí xe mô tô dắt xe ra đường rồi bật khóa điện, nổ máy điều khiển xe mô tô đi về hướng huyện N, H1 điều khiển xe mô tô đi theo phía sau. Đến khoảng 12 giờ 45 phút cùng ngày, khi về đến cầu Đ thuộc thôn N, thị trấn P, huyện N thì cả hai dừng xe lại. Sau đó, H1 lấy ra từ cốp xe Wave 01 cái kìm bấm bằng kim loại rồi tháo biển số xe mô tô vừa trộm cắp được ném xuống sông. Sau đó, cả hai cùng điều khiển xe mô tô đi về ngôi nhà hoang tại thôn N, xã Đ, huyện N ngủ. Chiếc xe này H1 và H2 chưa tiêu thụ mà sử dụng làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản tại huyện N.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐG ngày 03/4/2023 của Hội đồng định giá xác định: Xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu trắng-nâu, biển kiểm soát 77FX- 002.75, số máy 5C64-398892, số khung 640AY-398895 có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt 10.533.333đ (*Mười triệu, năm trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng*).

Ngày 07/4/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với H2 và H1 về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” và chuyển vụ án đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N để tiếp tục điều tra.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 12 giờ 00 ngày 18/02/2023, H1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius, màu sơn trắng nâu, không gắn biển số, (*xe do H1 và H2 trộm cắp được tại huyện Đ vào ngày 16/02/2023*) chở H2 đi trên các tuyến đường ở thị trấn P tìm nhà nào sơ hở trong việc quản lý tài sản để trộm cắp. Đến khoảng 12 giờ 20 phút cùng ngày, khi đi đến đường H thuộc thôn B, thị trấn P, huyện N, H2 thấy tại vỉa hè phía trước nhà của anh BB dựng một chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RSX, màu sơn xanh trắng đen, BKS 82EX-061.99, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện, quan sát thấy không có người trông coi nên H2 nói với H1 dừng xe ở lề đường phía trước ngôi nhà. Sau đó, H2 đi lại dắt chiếc xe ra đường rồi bật khóa điện, nổ máy điều khiển xe đi theo đường Hồ Chí

Minh hướng về thành phố Kon Tum, H1 điều khiển xe mô tô đi theo phía sau. Đến khoảng 13 giờ 00 cùng ngày khi đến xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum, vì lúc này trời đang sáng và sợ bị phát hiện nên cả hai đã giấu xe mô tô vừa trộm cắp được vào trong vườn cà phê ven đường Hồ Chí Minh. Sau đó, H1 điều khiển xe mô tô chở H2 đi về lại huyện N.

Đến khoảng 16 giờ 30 phút ngày 20/02/2023, H2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius không gắn biển số chở H1 đi từ thị trấn P, huyện N đến vị trí cất giấu xe mô tô trong vườn cà phê tại xã Đ, huyện Đ để lấy xe. Sau đó, H1 điều khiển xe mô tô BKS 82EX-061.99 đi về thành phố Kon Tum để tìm nơi tiêu thụ, H2 điều khiển xe mô tô đi theo phía sau. Đến khoảng 18 giờ 30 cùng ngày, cả hai đi đến tiệm sửa xe máy của anh Trương T tại tổ S, phường D, thành phố Kon Tum. H2 đứng ngoài chờ còn H1 đi vào gặp anh T và bán chiếc xe mô tô BKS 82EX-061.99 với giá 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Sau đó, H1 điều khiển xe mô tô chở H2 đi về lại huyện N. Đến khoảng 20 giờ 00 cùng ngày, khi về đến huyện N, H1 đi vào lô cao su thuộc thôn Đ, xã Đ, huyện N mua được 02 gói ma túy nhỏ của 01 người đàn ông (*chưa rõ nhân thân, lai lịch*) với giá 400.000 đồng mang về ngôi nhà hoang thuộc thôn N, xã Đ, huyện N để cả hai cùng sử dụng. Số tiền còn lại, H1 và H2 chia nhau mỗi người 1.300.000 đồng và đã tiêu sài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 376/KL-HĐĐG ngày 17/4/2023 của Hội đồng định giá xác định: Xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RSX, màu sơn xanh-trắng-đen, BKS 82EX-061.99, số máy C52-6033952, số khung 5247DY022447 có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 6.666.000đ (*Sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*).

Vụ thứ tư: Vào khoảng 00 giờ 30 ngày 19/02/2023, H2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu sơn trắng nâu, không gắn biển số (*xe do H1 và H2 trộm cắp được tại huyện Đ vào ngày 16/02/2023*) chở H1 đi theo đường Hồ Chí Minh đến xã Đ, huyện N để trộm cắp. Đến khoảng 01 giờ 00 cùng ngày, khi đi đến thôn D, xã Đ, H2 quan sát thấy nhà của anh B ở ven đường đã tắt điện, chủ nhà đã ngủ, xung quanh vắng vẻ không có người qua lại nên H2 dừng xe ở lề đường phía trước ngôi nhà. Sau đó, H2 đi bộ vào khu vực phía trong ngôi nhà, H1 đứng ở ngoài cảnh giới. Khi đi đến phía trước hiên nhà, H2 thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu sơn xanh trắng, BKS 82EX-089.23 nên đi lại dắt xe này ra ngoài đường đến chỗ H1 đang đứng cảnh giới. Sau đó, H2 ngồi lên xe mô tô BKS 82EX-089.23, H1 điều khiển xe mô tô không gắn biển số đồng thời dùng chân đạp vào chỗ gác chân phía sau xe mô tô BKS 82EX-089.23

đẩy xe di chuyển theo đường Hồ Chí Minh hướng về thị trấn P, huyện N. Khi đi đến đường bê tông gần cầu treo thôn C, xã Đ, huyện N thì cả hai rẽ vào một đoạn đường rồi dừng lại. Lúc này, H1 xuống xe tháo dây điện của xe mô tô vừa lấy trộm được đầu nối vào nhau để nổ máy xe. Sau đó, H2 điều khiển xe mô tô BKS 82EX-089.23, H1 điều khiển xe mô tô không gắn biển số đi về thành phố Kon Tum để tìm nơi tiêu thụ. Đến sáng ngày 19/02/2023, cả hai đi đến tiệm sửa xe máy của anh Trương T tại S, phường D, thành phố Kon Tum. H1 đứng ngoài chờ còn H2 đi vào gặp anh T và cầm cố chiếc xe mô tô BKS 82EX-089.23 được 1.200.000 đồng. Sau đó, H1 chia cho H2 số tiền 500.000 đồng, số tiền còn lại H1 giữ rồi cả hai đi về lại huyện N. Toàn bộ số tiền có được từ việc cầm cố chiếc xe trên H2 và H1 đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 372/KL-HĐĐG ngày 08/03/2023 của Hội đồng định giá xác định: Xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu sơn xanh-trắng, BKS 82EX-089.23, số máy 5C6K166786, số khung C6K0EY166771 có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*).

Vụ thứ năm: Vào khoảng 01 giờ 00 ngày 21/02/2023, H2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu trắng nâu, không gắn biển số (*xe do H1 và H2 trộm cắp được tại huyện Đ vào ngày 16/02/2023*) chở H1 đi theo đường Hồ Chí Minh đến xã Đ, huyện N để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 01 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến thôn N, xã Đ thì H1 thấy nhà anh T đã tắt điện, chủ nhà đã đi ngủ, xung quanh vắng vẻ không có người qua lại nên H1 nói H2 dừng xe ở lề đường phía trước ngôi nhà. Sau đó, H1 đi bộ vào phía trong ngôi nhà để tìm tài sản trộm cắp, H2 đứng ở ngoài canh giới. Khi đi ra bên hông, phía sau ngôi nhà, H1 thấy một chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu đen bạc, BKS 8XN1-0754 dựng ở sân trước nhà bếp, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện. Thấy vậy, H1 liền dắt chiếc xe ra ngoài đường rồi mở khóa điện nổ máy điều khiển xe đi về nhà H2 tại thôn B, thị trấn P, huyện N, cất giấu xe ở sân phía trước nhà và đi ngủ. Đến ngày 22/02/2023, H1 điều khiển xe mô tô BKS 8XN1-0754 đi vào thôn Đ, xã S, huyện N bán cho ông A C với giá 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*). Sau đó, H1 đã tiêu xài cá nhân hết 1.300.000 đồng, còn lại 200.000 đồng H1 sử dụng mua ma túy vào ngày 02/3/2023 thì bị Công an huyện N phát hiện bắt quả tang.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 377/KL-HĐĐG ngày 17/4/2023 của Hội đồng định giá xác định: Xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu sơn đen-bạc, BKS 8XN1- 0754, số máy 5C63-201236, số khung 09Y201235 có giá

trị tại thời điểm bị chiếm đoạt 4.333.000đ (*Bốn triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng*).

H2 và H1 đã thực hiện 05 lần “*trộm cắp tài sản*”; tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 32.198.333đ (*Ba mươi hai triệu, một trăm chín mươi tám nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng*).

-Tại bản Cáo trạng số 18/CT-VKS-NH ngày 28/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum đã truy tố:

H1 về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

H2, về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Theo bản Cáo trạng nhận định: Đối với Trương T nhận cầm cố xe mô tô BKS 82X1-089.23 và mua xe mô tô BKS 82X1-061.99; ông A C mua xe mô tô BKS 8XN1-0754, cả T và ông A C đều không biết là tài sản do H1, H2 trộm cắp mà có nên không cấu thành tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Đối với người đàn ông tên L đã cho H1 mượn xe mô tô để đi chơi, (*không rõ họ tên, lai lịch của L, không nhớ biển số xe*), sau đó H1 và H2 đã dùng xe này làm phương tiện phạm tội. Sau khi thực hiện xong việc lấy tài sản H1 đã trả lại xe cho L. Cơ quan điều tra đã xác minh, truy tìm L và tài sản nhưng chưa được vì không đủ căn cứ xác định. Đối với chiếc xe HONDA, loại Wave, màu xanh (*chưa rõ biển kiểm soát*), H1 mua lại của người bạn ngoài xã hội tên H (*không rõ nhân thân, lai lịch*) vào cuối tháng 01 năm 2023. Sau khi mua xong H1, H2 đã dùng làm phương tiện trộm cắp chiếc xe mô tô BKS 77FX-002.75 vào ngày 16/02/2023. Đến tối ngày 17/02/2023 H1 và H2 đi xe này về thành phố Kon Tum chơi, dọc đường xe bị hỏng nặng không di chuyển được và không có tiền sửa chữa nên H1 đã bán xe này cho tiệm thu mua phế liệu dọc đường được 500.000 đồng, vì trời tối H1 và H2 không nhớ được tiệm thu mua phế liệu nên Cơ quan Điều tra không có đủ căn cứ để truy tìm. Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho H1 vào ngày 20/02/2023 và ngày 02/3/2023, H1 không rõ nhân thân, lai lịch. Dựa trên lời khai về đặc điểm nhận dạng, Cơ quan Điều tra đã xác minh, truy tìm, vì chưa đủ cơ sở xác định nên không truy tìm được người đàn ông này.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

+Về hình phạt:

Đối với H1: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, các điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật hình sự về tội “*Trộm cắp tài sản*”; xử phạt tù 24 tháng tù đến 30 tháng tù. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, 50 của Bộ luật hình sự về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, xử phạt tù 14 tháng tù đến 18 tháng tù. Đề nghị áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt khi xét xử cùng 01 lần phạm nhiều tội.

Đối với H2: Đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật hình sự về tội “*Trộm cắp tài sản*”; xử phạt tù 30 tháng tù đến 36 tháng tù.

+ Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu, tiêu hủy số ma túy sau khi giám định còn lại và tịch thu, tiêu hủy 01 ví da màu nâu của H1 vì không còn giá trị sử dụng.

+ Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo liên đới trả lại cho Trương T số tiền 4.200.000 đồng; trả lại cho ông A C số tiền 1.500.000 đồng.

+ Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự và dân sự theo quy định pháp luật.

- Tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Bị cáo H1 khai khi cầm cố và bán xe trộm cắp cho Trương T thì bị cáo luôn đội mũ bảo hiểm, đeo khẩu trang để che phần mặt và nói dối là xe của bản thân mình, khi bán thì nói xe bị mất giấy tờ, khi cầm cố nói quên mang theo giấy tờ xe. Khi H1 bán xe cho ông A C, H1 đã nói dối xe của H1 đã bị mất giấy tờ nên bán. Trong thời gian thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản kể từ ngày 18/01/2023 đến ngày 21/02/2023, H1 vẫn lấy trái cây, rau, thịt bỏ cho các đầu mối bán lẻ ở chợ, thu nhập từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng/01 ngày làm nguồn sống chính, số tiền bán xe máy có được từ việc trộm cắp H1 đã mua ma túy và chi tiêu lặt vặt cho cá nhân.

Bị cáo H2 khai, trong thời gian thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản kể từ ngày 18/01/2023 đến ngày 21/02/2023, H2 dùng số tiền từ việc nhận làm chó thuê cho anh Phùng Văn H để làm nguồn sinh sống chính. Số tiền từ việc trộm cắp xe có được H2 dùng uống nước, cà phê và chi tiêu lặt vặt cá nhân.

- Các bị hại khai tại hồ sơ, như sau:

Chị N khai vào đêm rạng sáng ngày 18/01/2023, chị bị mất trộm xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu đỏ đen, BKS 73VX-3175, xe có nguồn gốc

rõ ràng, chị đã nhận lại xe mô tô và bị thiếu mất biển số xe nhưng chị không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Anh C khai vào trưa ngày 16/02/2023, anh bị mất trộm xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu trắng - nâu, BKS 77FX-002.75, xe có nguồn gốc rõ ràng, anh đã nhận lại xe mô tô và bị thiếu mất biển số xe nhưng anh không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Anh BB khai vào trưa ngày 18/02/2023, anh bị mất trộm xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RSX, màu sơn xanh- trắng- đen, BKS 82EX-061.99, xe có nguồn gốc rõ ràng, anh đã nhận lại xe mô tô và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì.

Anh BB khai vào đêm rạng sáng ngày 19/02/2023, anh bị mất trộm xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu sơn xanh trắng, BKS 82EX-089.23, xe có nguồn gốc rõ ràng, anh đã nhận lại xe mô tô và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì.

Anh T khai vào đêm rạng sáng ngày 21/02/2023, anh bị mất trộm xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu đen bạc, BKS 8XN1-0754, xe có nguồn gốc rõ ràng, anh đã nhận lại xe mô tô và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai tại hồ sơ, như sau:

Anh Trương T khai: Vào sáng ngày 19/2/2023, có nhận cầm cố 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu sơn xanh trắng, BKS 82EX-089.23 của 02 thanh niên, khi đến cả hai đội mũ bảo hiểm, đeo khẩu trang nhìn không rõ mặt. Khi đến một người thanh niên nói “*em có chiếc xe này anh thế giúp em cỡ một triệu đến một triệu hai, để em xuống bệnh viện có việc, mai em lấy lại*”. T hỏi giấy tờ xe, người này nói để ở nhà không mang theo. T đã nhận cầm cố và đưa người này 1.200.000 đồng. Ngày 20/02/2023, T mua xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RSX, màu sơn xanh trắng đen, BKS 82EX-061.99 của hai thanh niên, cả hai đội mũ bảo hiểm, đeo khẩu trang nhìn không rõ mặt, T không biết đó là hai thanh niên hôm trước T đã nhận cầm cố xe. Khi giao dịch mua bán một người thanh niên nói “*em có cái xe này, anh có mua không?*”, T hỏi giá bao nhiêu, người này nói “*bốn triệu*”, T hỏi xe có giấy tờ gì không? Người này nói có nhưng đã mất, em đang cần tiền nên bán gấp. T xem xe xong trả giá 3.000.000 đồng. Hai bên giao tiền, tài sản. T khai không biết đó là những tài sản do trộm cắp mà có. Yêu cầu các bị cáo trả lại tổng số tiền cầm cố và mua bán xe là 4.200.000 đồng.

Ông A C khai: Vào trưa ngày 22/02/2023, thấy H1 qua nhà chơi và nói ở nhà có nhiều xe không dùng đến, ông A C đang cần xe rẻ tiền để đi làm rầy nên hỏi mua xe rẻ tiền và đã được H1 bán cho chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA

SIRIUS, màu đen bạc, BKS 8XN1-0754, giá 1.500.000 đồng, H1 nói xe bị mất giấy tờ. Ông C không biết xe do H1 trộm cắp mà có. Ông C yêu cầu H1 trả lại số tiền 1.500.000 đồng.

-Lời nói sau cùng của các bị cáo:

H1: Trong thời gian bị giam, giữ bị cáo thật sự ăn năn hối cải. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo hứa sau lần này không tiếp tục phạm tội nữa.

H2: Bị cáo biết sai rất nhiều kính mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án nhẹ, để bị cáo sớm về lo cho gia đình và con cái, bị cáo hứa sau lần này không tiếp tục phạm tội nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được đánh giá là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa H1 và H2 đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai, tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, thể hiện:

[2.1] Về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”: Vào lúc 12 giờ 45 phút ngày 02/3/2023, H1 bị Công an huyện N phối hợp với Công an thị trấn P bắt quả tang về hành vi cất giấu 01 gói giấy nhỏ màu trắng, để trong ngăn nhỏ mặt trong của ví da màu nâu, để trong túi quần Jean phía sau bên phải. Tại bản kết luận giám định số 63/KL-KTHS ngày 07/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kon Tum kết luận: Bên trong gói giấy nhỏ có chứa ma túy là loại Heroine, có khối lượng: 0,127 gam. Nguồn gốc số ma túy này H1 mua của người đàn ông (*không rõ nhân thân, lai lịch*) với mục đích để sử dụng. Như vậy, bị cáo đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thể hiện lỗi cố ý thực hiện tội phạm, đã xâm phạm đến những quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng các chất ma túy, gây thiệt hại cho lợi ích của xã hội, của công dân và gây mất trật tự an toàn

xã hội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội ở mức độ nghiêm trọng, phạm vào điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự, có mức khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm.

[2.2] Về tội “*Trộm cắp tài sản*”: Tính từ ngày 18/01/2023 đến ngày 21/02/2023, H1 và H2 đã lợi dụng sự sơ hở của các chủ sở hữu trong việc trông nom, quản lý tài sản, các bị cáo đã có hành vi lén lút cùng nhau thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể:

[2.2.1] Vụ thứ nhất, vào khoảng lúc 01 giờ 30 phút ngày 18/01/2023, H1 và H2 đã lấy tại nhà kho của chị N ở tổ S, thị trấn P, huyện N chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu đỏ đen, BKS 73VX-3175, H1 là người thực hiện hành vi, còn H2 đứng canh giới bên ngoài để giúp sức, giá trị xe mô tô được xác định là 5.666.000 đồng.

[2.2.2] Vụ thứ hai, vào khoảng 12 giờ trưa ngày 16/02/2023, H1 và H2 đã lấy phía trước cửa bên hông nhà an C ở thôn M, xã Đ, huyện Đ chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu trắng - nâu, BKS 77FX-002.75, H2 là người thực hiện hành vi, còn H1 đứng canh giới bên ngoài để giúp sức, giá trị xe mô tô được xác định là 10.533.333 đồng.

[2.2.3] Vụ thứ ba, vào khoảng 12 giờ 20 phút trưa ngày 18/02/2023, H1 và H1 đã lấy tại vỉa hè phía trước nhà anh B ở thôn B, thị trấn P, huyện N chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RSX, màu sơn xanh-trắng-đen, BKS 82EX-061.99, H2 là người thực hiện hành vi, còn H1 đứng canh giới bên ngoài để giúp sức, giá trị xe mô tô được xác định là 6.666.000 đồng.

[2.2.4] Vụ thứ tư, vào khoảng 01 giờ 00 phút ngày 19/02/2023, H1 và H2 đã lấy tại phía trước nhà anh BB ở thôn D, xã Đ, huyện N chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu sơn xanh trắng, BKS 82EX-089.23, H2 là người thực hiện hành vi, còn H1 đứng canh giới bên ngoài để giúp sức, giá trị xe mô tô được xác định là 5.000.000 đồng.

[2.2.5] Vụ thứ năm, vào khoảng 01 giờ 30 phút ngày 21/02/2023, H1 và H2 đã lấy tại phía sau bên hông nhà anh T ở thôn N, xã Đ, huyện N chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu đen bạc, BKS: 8XN1-0754, H1 là người thực hiện hành vi, còn H2 đứng canh giới bên ngoài để giúp sức, giá trị xe mô tô được xác định là 4.333.000 đồng.

[2.2.6] Cho thấy, cả 05 lần thực hiện hành vi đều thể hiện sự lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, có tổng giá trị là 32.198.333đ (*Ba mươi hai triệu, một trăm chín mươi tám nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng*), là xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của chủ sở hữu. H1 và H2 đều là người có đủ năng

lực trách nhiệm hình sự, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện lỗi cố ý thực hiện tội phạm, đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[2.2.7] Về tính chất chuyên nghiệp: Trước lần phạm tội này, H1 đã bị xét xử 02 lần về tội “*Trộm cắp tài sản*”; H2 bị xét xử 01 lần về tội “*Trộm cắp tài sản*”, đều đã được xóa án tích. Tính từ ngày 18/01/2023 đến ngày 21/02/2023 các bị cáo cùng thực hiện 05 lần trộm cắp xe máy và đã bán 02 xe máy, cầm cố 01 xe máy để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã yêu cầu Viện kiểm sát điều tra bổ sung làm rõ mục đích các bị cáo có lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính hay không. Kết quả điều tra bổ sung và tại phiên tòa cho thấy trong thời gian tính từ ngày 18/01/2023 đến ngày 21/02/2023, H1 vẫn lấy trái cây, rau, thịt bỏ cho các đầu mối bán lẻ ở chợ, thu nhập từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng/01 ngày; còn H2 nhận thịt chó thuê cho anh Phùng Văn H, tùy theo lượng việc mỗi ngày, thu nhập từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng/01 ngày; đây chính là nguồn sống chính của các bị cáo, do đó không đủ cơ sở để xác định các bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

[2.2.8] Về tái phạm nguy hiểm: Tại Bản án số 27/2014/HSST ngày 29/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum và Bản án phúc thẩm số 24/2014/HS-PT ngày 23/12/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đều tuyên bố H2 phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999, thuộc tội phạm rất nghiêm trọng, H2 đã bị xử phạt 07 năm tù. Tính đến thời điểm phạm tội lần này H2 chưa được xóa án tích. Vì vậy, H1 phải chịu tình tiết định khung “*tái phạm nguy hiểm*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[2.2.9] Vai trò thực hiện tội phạm của từng bị cáo: Trong 05 lần thực hiện trộm cắp tài sản, thì H1 khởi xướng 02 lần, trực tiếp thực hiện lấy tài sản 02 lần, 03 lần đứng ngoài cảnh giới giúp sức để H2 lấy trộm, chủ động đứng ra bán xe và cầm cố xe, H1 quản lý tài sản khi lấy được, điều tiết chia tiền cho H2, H1 chủ động phương tiện dùng vào việc phạm tội như mượn xe của L và dùng xe H1 mua; còn H1 khởi xướng 03 lần, trực tiếp thực hiện lấy tài sản 03 lần, 02 lần đứng ngoài cảnh giới giúp sức để H2 lấy trộm, mọi việc quản lý tài sản khi lấy được, bán, cầm cố, chia tiền H2 đều để cho H1 quyết định. Mục đích H1 và H2 trộm cắp tài sản là để bán lấy tiền chi tiêu cho cá nhân. Trong số các vụ trộm cắp, có 03 xe mô tô đã bán và cầm cố được tổng số tiền 5.700.000 đồng thì H1 được hưởng lợi riêng 3.500.000 đồng, H2 được chia 1.800.000 đồng, còn 400.000 đồng cả hai cùng mua ma túy sử dụng chung. Như vậy, có thể nói trong

05 vụ trộm cắp H1 và H2 đều cùng tham gia, thể hiện tính chất đồng phạm ở mức giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ, không mang yếu tố tổ chức. H1 đóng vai trò nguy hiểm hơn so với H2 nhưng vì H2 phạm tội lần này thuộc “*Tái phạm nguy hiểm*” nên mức độ nguy hiểm giữa H1 và H2 là tương đương nhau.

[2.2.10] Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum truy tố H1 về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, mức khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm; và truy tố H1 tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự, mức khung hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Truy tố H2 về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự, mức khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:*

[3.1] Về tình tiết tăng nặng: H1 và H2 05 lần “*trộm cắp tài sản*” nên bị áp dụng tình tiết “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, tuy H1 đã chấp hành xong hình phạt tù của Bản án số 15/2019/HSST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, nhưng chưa thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường số tiền 22.313.000 đồng cho ông A P, chưa nộp án phí nên H1 phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với cả hai tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và “*Trộm cắp tài sản*”. H2 đã bị áp dụng tình tiết “*Tái phạm nguy hiểm*” là tình tiết định khung nên không áp dụng làm tình tiết tăng nặng nữa.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong suốt quá trình tham gia tố tụng từ điều tra – truy tố – xét xử các bị cáo thể hiện “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”; nên cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, với cả hai tội.

[4] *Về hình phạt:*

[4.1] Hình phạt chính: Xem xét quá trình phạm tội, động cơ, mục đích, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của từng bị cáo trong từng tội phạm. Cả H1 và H2 có nhân thân xấu, đã nhiều lần phạm tội và bị kết án, có tội chưa được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học răn đe, sửa chữa bản thân, lại tiếp tục phạm tội, cho thấy sự coi thường pháp luật và mức độ ăn năn hối cải có phần hạn chế. Cần xử nghiêm và áp dụng hình phạt cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo các bị cáo.

[4.2] Về hình phạt bổ sung: Cả H1 và H2 đều là người dân tộc thiểu số, việc làm và mức thu nhập không ổn định, hoàn cảnh gia đình đều khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, với cả hai tội.

[5] *Đối với các hành vi có liên quan khác:*

[5.1] Đối với Trương T nhận cầm cố xe mô tô BKS 82EX-089.23 và mua xe mô tô BKS 82EX-061.99; đối với ông A C mua xe mô tô BKS 8XN1-0754; khi giao dịch H1 luôn nói dối là xe của bản thân mình, sau khi đã cầm cố và mua bán cho đến khi tội phạm bị phát hiện thì cả Trương T và ông A C đều không thay đổi kết cấu, mẫu mã của xe nên không có cơ sở xác định T và ông A C biết là tài sản do trộm cắp mà có, nên không cấu thành tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

[5.2] Đối với người tên L đã cho H1 mượn xe mô tô, khi mượn H1 nói dối L để đi chơi, (*không rõ họ tên, lai lịch của L, không nhớ biển số xe*), sau khi thực hiện xong việc lấy tài sản H1 đã trả lại xe cho L; cơ quan điều tra đã xác minh, truy tìm L và tài sản nhưng không có kết quả vì chưa đủ căn cứ xác định nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5.3] Đối với xe HONDA, loại Wave, màu xanh (chưa rõ biển kiểm soát), H1 mua lại của người bạn ngoài xã hội tên H (*không rõ nhân thân, lai lịch*) vào cuối tháng 01 năm 2023. Sau khi mua xong H1, H2 đã dùng làm phương tiện trộm cắp chiếc xe mô tô BKS 77FX-002.75 vào ngày 16/02/2023. Đến tối ngày 17/02/2023 H1 và H2 đi xe này về thành phố Kon Tum chơi, dọc đường xe bị hỏng nặng không di chuyển được và không có tiền sửa chữa nên H1 đã bán xe này cho tiệm thu mua phế liệu dọc đường được 500.000 đồng, vì trời tối H1 và H2 không nhớ được khu vực và tiệm thu mua phế liệu nên Cơ quan Điều tra không đủ căn cứ để truy tìm, xác định người thu mua xe, do đó Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5.4] Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho H1 vào cuối tháng 02 năm 2023 và ngày 02/3/2023, H1 không rõ nhân thân, lai lịch. Dựa trên lời khai về đặc điểm nhận dạng, Cơ quan Điều tra đã xác minh, truy tìm, vì chưa đủ cơ sở xác định nên không có kết quả, do đó Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] *Về xử lý vật chứng:* Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, đánh giá và xử lý như sau:

[6.1] 05 xe mô tô các bị cáo lấy của 05 bị hại, đã thu hồi và được trả lại cho bị hại tại giai đoạn điều tra, các bị hại không có ý kiến gì khác nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6.2] Đối với các vật chứng khác như BKS số 73VX- 3175, H1 tháo vút vào bụi cỏ ven đường khu vực thôn C, xã Đ; BKS số 73VX- 3175, H1 tháo vút xuống sông khu vực cầu Đ, thị trấn P; và 02 chiếc kìm H1 đã dùng tháo biển số xe, sau khi tháo xong 01 cái H1 đã để trong cốp xe mô tô của L và trả cho L, 01 cái H1 để trong cốp xe mô tô H1 mua và sau đó bán lại cho tiệm thu mua phế liệu không xác định được địa điểm; cơ quan điều tra đã xác minh, truy tìm nhưng không có kết quả nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6.3] Tịch thu, tiêu hủy số ma túy sau khi giám định còn lại vì là vật cấm tàng trữ, lưu hành; tịch thu, tiêu hủy 01 ví da màu nâu của H1 là vật không có giá trị.

[7] *Áp dụng biện pháp tư pháp*: H1 đã bán chiếc xe mô tô dùng làm phương tiện phạm tội cho tiệm thu mua phế liệu được 500.000 đồng, vì không thu hồi được xe nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 500.000 đồng của H1 theo điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự.

[8] *Về trách nhiệm dân sự*:

[8.1] Những người bị hại đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại gì nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8.2] Anh Trương T yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền cầm cố xe mô tô BKS 82EX-089.23 là 1.200.000 đồng, và mua xe mô tô BKS 82EX-061.99 là 3.000.000 đồng; tổng cộng 4.200.000 đồng. Ông A C yêu cầu H1 trả lại số tiền 1.500.000 đồng đã mua xe mô tô BKS 8XN1-0754. Yêu cầu của anh T và ông C là có cơ sở, tại phiên tòa H1 nhận trả cho Trương T 2.200.000 đồng, trả cho ông A C 1.500.000 đồng; H2 nhận trả cho anh T 2.000.000 đồng. Áp dụng khoản 1 điều 584, khoản 1 điều 585, Điều 589, 357 của Bộ luật dân sự để xác định trách nhiệm hoàn trả tiền của các bị cáo.

[9] *Về án phí*:

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật, để nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, 38, 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đối với H1 về tội “*tàng trữ trái phép chất ma túy*”;

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, các điểm g, h khoản 1 Điều 52, 17, 38, 50, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đối với H1 về tội “*trộm cắp tài sản*”;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với H1, về quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội;

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, 17, 38, 50, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đối với H2 về tội “*trộm cắp tài sản*”;

Căn cứ khoản 1, các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự quy định về xử lý vật chứng:

Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự về áp dụng biện pháp tư pháp;

Căn cứ khoản 1 điều 584, khoản 1 điều 585, Điều 589, 357 của Bộ luật dân sự về trách nhiệm dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 23 và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự về quyền kháng cáo;

Xử:

1. Tuyên bố bị cáo H1 phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và “*Trộm cắp tài sản*”; H2 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt H1 16 (*mười sáu*) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và 30 (*ba mươi*) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; buộc phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 46 (*bốn mươi sáu*) tháng tù; thời gian tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 02/3/2023). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả hai tội đối với H1.

Xử phạt H1 30 (*ba mươi*) tháng tù, thời gian tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 05/3/2023). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với H2.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu, tiêu hủy 01 phong bì đã được niêm phong chứa ma túy có khối lượng còn lại sau khi giám định đã trừ bì là 0,112 gam, mặt trước có ghi nội dung “CÔNG AN TỈNH KON TUM PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ SỐ: 63/KL-KTHS”, tại các mép dán mặt sau có các dấu tròn ghi nội dung “PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ*CÔNG AN TỈNH KON TUM” và các chữ ký ghi họ tên của Nguyễn H, Hoàng T tại các mép dán.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 ví da màu nâu;

Vật chứng được xử lý đã được ghi nhận theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 23-8-2023 giữa Cơ quan Công an huyện N, tỉnh Kon Tum với Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kon Tum.

3. Về biện pháp tư pháp: Truy thu số tiền 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) của H1 để nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc H1 hoàn trả lại cho Trương T 2.200.000đ (*Hai triệu hai trăm nghìn đồng*); hoàn trả lại cho ông A C 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*); H2 hoàn trả lại cho Trương T 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*);

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu H1, H2 chậm hoàn trả số tiền xác định trên thì phải chịu lãi 10%/năm/số tiền chậm hoàn trả.

5. Về án phí: Buộc H1, H2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm, và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 29-8-2023). Bị hại là anh BB, chị N, anh C, anh B, anh T có quyền kháng cáo phần bản án về tội “*Trộm cắp tài sản*”; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trương T, ông A C có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình; trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum đối với chị N, anh B; niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum đối với BB, T; niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã S, huyện N, tỉnh Kon Tum đối với ông A C; niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum đối với anh C; niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum đối với anh Trương T.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

- Người liên quan;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Cơ quan điều tra cấp huyện;
- Cơ quan THA hình sự;
- Trại tạm giam tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan THA dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Hảo